TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2017/DS-ST
Ngày 27- 9 - 2017
V/v: "Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy GCNQSD đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Nhung
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thị Ngọc Yến
- Ông Nguyễn Xuân Thí
- Thư ký Tòa án: Bà Mai Thị Mỹ Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 14/2017/TLST-TC ngày 14/6/2017 về việc "*Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 771/2017/QĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn B, sinh năm 1969, hiện trú tại thôn Đ, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Xuân H, hiện trú tại: Cụm 6, tổ dân phố 7, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn T, sinh năm 1974, hiện trú tại thôn Đ, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị T (theo văn bản uỷ quyền ngày 21/8/2017). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê D – Luật sư VP Luật sư Nguyên T, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng Thị D, sinh năm 1954, hiện trú tại thôn B, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Ông Đặng Văn C, sinh năm 1957, hiện trú tại thôn T, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Ông Đặng Văn H, sinh năm 1960, hiện trú tại thôn T, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

4. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1963, hiện trú tại TDP 6, thị trấn E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk, uỷ quyền cho bà Đặng Thị D (theo văn bản uỷ ngày 31/7/2017).

5. Bà Đặng Thị S, sinh năm 1967, thôn Đ, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

6. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1972, thôn Đ, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

7. Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, địa chỉ: phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Đức C – Phó Chủ tịch UBND Thành phố Đ (theo Quyết định về việc uỷ quyền số 3323 ngày 13/7/2017). Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 6/6/2017 và đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 30/6/2017, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Đặng Văn B và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Đặng Văn C, sinh năm 1927 và cụ Nguyễn Thị K sinh năm 1931, khi còn sống tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, hai cụ sinh được tám người con:

Bà Đặng Thị D, sinh năm 1954, ông Đặng Văn C, sinh năm 1957, ông Đặng Văn H, sinh năm 1960, bà Đặng Thị N, sinh năm 1963, bà Đặng Thị S, sinh năm 1967, ông Đặng Văn B, sinh năm 1969, bà Đặng Thị T, sinh năm 1972 và ông Đặng Văn T, sinh năm 1974.

Cụ C mất năm 1995, cụ K mất năm 2016, hai cụ không để lại di chúc.

Di sản thừa kế của cụ Đặng Văn C và cụ Nguyễn Thị K là quyền sử dụng đất thửa đất số 198, tờ bản đồ số 6, diện tích 525m^2 (200m^2 đất ở và 325 m^2 đất vườn), địa chỉ: thôn Đ, xã Q, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00147/QSDĐ/134QĐ/UB ngày 16/7/1998, mang tên ông Đặng Văn T. Hiện tại, trên diện tích đất này gia đình ông Đặng Văn T và gia đình ông Đặng Văn B đã xây dựng nhà ở, các công trình kiên cố khác và sinh sống ổn định. Nay, ông Đặng Văn B muốn được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất mà gia đình mình đã xây dựng nhà cửa và sinh sống ổn định từ trước tới nay nên khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp mang tên Đặng Văn T đối với thửa đất nói trên.

Bị đơn là ông Đặng Văn T, người đại diện theo uỷ quyền bà Nguyễn Thị T: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm cụ C, cụ K mất, về các con của hai cụ cũng như nguồn gốc thửa đất. Tuy nhiên, ông T trình bày: sau khi bố ông là cụ C mất vào năm 1995, các anh chị đều lập gia đình và có nhà cửa ổn định ở những nơi khác, ông là con út nên sống với mẹ là cụ K, khi còn sống mẹ ông đã đồng ý cho ông đứng tên đối với diện tích đất này. Việc anh trai là ông Đặng Văn B sau khi lập gia đình cũng xây dựng nhà cửa và sống trên thửa đất này cùng với gia đình ông từ trước tới nay rất hòa thuận, đoàn kết, ông Đặng Văn T và người đại diện theo uỷ quyền đồng ý phân chia di sản theo hiện trạng sử dụng của mỗi hộ, nhưng không đồng ý chia đôi diện tích đất ở, nguyên đơn muốn chia đất,

làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải tự làm các thủ tục chuyển đổi đất cho phù hợp, không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp mang tên mình vì cho rằng ông đã thực hiện đúng theo ý nguyện của bố mẹ ông khi còn sống.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đặng Thị D, ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S và bà Đặng Thị T cùng thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm cụ C, cụ K mất, về các con của hai cụ cũng như nguồn gốc thửa đất và đồng ý chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại nhưng từ chối nhận di sản và đề nghị chia diện tích đất trên thành hai phần, theo hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Đặng Văn T và gia đình ông Đặng Văn B.

- Đại diện ủy quyền của UBND thành phố Đ, ông Nguyễn Đức C – Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ trình bày: Theo thông tin trong sổ địa chính hiện đang được lưu giữ tại UBND thành phố Đ thì thửa đất số 198, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: thôn Đ, xã Q, thành phố Đ người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị K (mẹ) và ông Đặng Văn T (con). Như vậy, tại thời điểm cấp GCNQSD đất đã thể thể hiện bà K cũng là người sử dụng đất, ông Đặng Văn T là đại diện của hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận được cấp tại thời điểm đó. Quá trình hòa giải tại Tòa án, ông Đặng Văn T và những người con khác của cụ C, cụ K đều thống nhất thừa nhận thửa đất là tài sản của bố mẹ, mặt khác trong hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất của ông Đặng Văn T đang lưu giữ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đ không có tài liệu, giấy tờ gì thể hiện bố mẹ ông là cụ C, cụ K tặng cho ông Đặng Văn T toàn bộ diện tích đất nói trên. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là có cơ sở. Người đại diện của UBND thành phố Đ không trình bày quan điểm đối với yêu cầu hủy GCNQSD đất đã cấp cho ông Đặng Văn T mà đề nghị Tòa án giải quyết theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về cách thức giải quyết vụ án nhưng không có kết quả.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia thừa kế theo thực trạng mà các bên đã làm nhà và đang sử dụng, theo các thoả thuận mà những người thuộc hàng thừa kế đã tự nguyện nhường phần di sản thừa kế của mình được hưởng cho nguyên đơn và bị đơn, riêng về diện tích đất ở đề nghị xem xét hạn mức đất ở đối với bị đơn nhiều hơn vì bị đơn được sử dụng diện tích đất nhiều hơn nguyên đơn. Đối với yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nguyên đơn khởi kiện là không có căn cứ vì theo Luật sư việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn là đúng trình tự thủ tục quy định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình có quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản có xem xét đến việc hủy quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Về thời hiệu khởi kiện: Cụ C mất năm 1995, cụ K mất năm 2016, Năm 2017, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nên vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, theo hướng các bên đương sự thoả thuận được sử dụng diện tích đất đang sử dụng; Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00147/QSD Đ/134 QĐ/UB do Uỷ ban nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ) ngày 16/7/1998, mang tên ông Đặng Văn T do vi phạm trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

[1.1] Về người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị N: Giấy ủy quyền lập ngày 31/7/2017 giữa bà Đặng Thị N và bà Đặng Thị D có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bà N cư trú phù hợp với các quy định tại các điều 134, 135, 138 Bộ luật Dân sự 2015, bà Đặng Thị D là đại diện ủy quyền của bà Đặng Thị N và Tòa án tiến hành xét xử vụ án với sự vắng mặt của bà N.

[1.2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là vụ án "Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy GCNQSD đất" theo khoản 5 Điều 26, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[1.3]*Về thời hiệu khởi kiện:* Cụ C mất năm 1995, cụ K mất năm 2016. Ngày 6/6/2017, nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C và cụ K, áp dụng Điều 623 của Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu chia di sản thừa kế còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2]. *Về nội dung:* Đối với yêu cầu phân chia di sản thừa kế, cả nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất thừa nhận thửa đất số 198, tờ bản đồ số 6, diện tích 525 m^2 tại thôn Đ, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00147/QSDĐ/134QĐ/UB ngày 16/7/1998, mang tên ông Đặng Văn T là tài sản của cụ C và cụ K. Khi hai cụ chết thì tài sản này trở thành di sản thừa kế. Theo điểm a, khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

Tuy nhiên, theo Bản đồ địa chính của xã Q được sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Quảng Bình ký duyệt ngày 25/6/2014 thì thửa đất số 198, tờ bản đồ số 6, diện tích 525m^2, mang tên ông Đặng Văn T thuộc thửa đất số số 77, tờ bản đồ số 8, diện tích 509,8 m^2 (giảm 15,2m^2 so với diện tích đã được cấp giấy chứng nhận), việc thay đổi số hiệu thửa đất, số tờ bản đồ là do đo đạc mới bản đồ địa chính xã Q, tỉnh Quảng Bình. Hiện tại thửa đất gia đình ông T đang sử dụng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, theo quy định tại khoản 5, Điều 98 Luật Đất đai năm 2013 thì trường hợp có sự chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì khi cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế. Kết quả xem xét thẩm định ngày 14/8/2017 đối với thửa đất nói trên có số liệu đo đạc hiện trạng trùng với số liệu được ghi trong bản đồ địa chính năm 2014. Như vậy, có cơ sở để xác định diện tích đất thực tế của thửa đất 198, di sản của cụ K và cụ C là 509,8 m^2 (đất ở 200m^2, đất vườn 309,8m^2).

Theo trình bày nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là các con của cụ K và cụ C thì trên diện tích đất này hiện tại có gia đình ông T và gia đình ông B đang sinh sống, mỗi gia đình đã tạo lập một khuôn viên sinh hoạt độc lập, nhà cửa và các công trình kiến trúc khác đã được xây dựng kiến cố, ổn định từ nhiều năm nay. Kết quả xem xét, thẩm định đã xác định được như sau:

* Đối với thửa đất số 198: tổng diện tích 509,8m^2(bao gồm: 200 m^2 đất ở và 309,8 m^2 đất vườn), ranh giới cụ thể:

- Cạnh phía nam: 22,45 m;

- Cạnh phía bắc: 23,6 m;

- Cạnh phía tây: 22, 26m;

- Cạnh phía đông: 21, 82 m.

+ Đối với khuôn viên sử dụng của hộ ông Đặng Văn B: diện tích: 192,6 m^2, có ranh giới cụ thể:

- Cạnh phía đông: 21,82m, giáp đất hộ ông Trần Xuân B.

- Cạnh phía tây: 22,2m, giáp khuôn viên hộ ông Đặng Văn T.

- Cạnh phía nam: 8,4m, giáp đường giao thông nông thôn.

- Cạnh phía bắc: 9,1m, giáp đường giao thông nông thôn.

+ Đối với khuôn viên sử dụng của hộ ông Đặng Văn T: diện tích: 317,2m^2, có ranh giới cụ thể

- Cạnh phía đông: 22,2m, giáp khuôn viên hộ ông Đặng Văn B.

- Cạnh phía tây: 22,26m, giáp hộ ông Nguyễn Đức P.

- Cạnh phía nam: 14,05m, giáp đường giao thông nông thôn.

- Cạnh phía bắc: 14,5m, giáp đường giao thông nông thôn.

Trên cơ sở kết quả xem xét, thẩm định, Hội đồng định giá đã thống nhất giá trị của tài sản được xác định là di sản thừa kế của cụ C và cụ K như sau:

- Giá trị đất ở: 200 m^2 x 1.080.000 đồng = 216.000.000 đồng
- Giá trị đất vườn: 309,8m^2 x33.000 đồng = 10.223.400 đồng

Tổng cộng: 226.223.400 đồng.

- Cụ C và cụ K chết không để di chúc nên di sản thừa kế của hai cụ sẽ được phân chia theo pháp luật.

Bà Đặng Thị D, ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S và bà Đặng Thị T tự nguyện nhường phần của mình được hưởng cho ông Đặng Văn B và Đặng Văn T ; ông Đặng Văn B chỉ có yêu cầu được hưởng phần di sản là quyền sử dụng đối với diện tích đất mà gia đình ông đã sử dụng để xây dựng nhà cửa và sinh sống từ trước tới nay. Xét sự tự nguyện của các đương sự như trên là không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với thực tế sử dụng đất và không làm xáo trộn, ảnh hưởng đến kết cấu các công trình mà hộ ông T và hộ ông B đã xây dựng nên được chấp nhận. Như vậy, trên cơ sở các thừa kế đã có sự thoả thuận về số diện tích đất mà các bên đang sử dụng, nhưng cả nguyên đơn và bị đơn không thoả thuận diện tích đất ở, đất vườn. Hội đồng xét xử thấy rằng, diện tích đất được giao đất ở trong hạn mức được quy định tại Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình tại địa bàn xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình trước đây và tại thời điểm này là 200m^2, do đó căn cứ vào tình hình thực tế mà các bên đang sử dụng nên cần giao cụ thể đất ở mỗi bên được hưởng 100m^2 đất ở theo quy định.

Như vậy, di sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 198, tờ bản đồ số 6, địa chỉ thôn Đ, xã Q, thành phố Đ sẽ được phân chia như sau:

Ông Đặng Văn B được hưởng 192,6m^2, bao gồm 100m^2 đất ở và 92,6 m^2 đất vườn, có trị giá: 111.055.800 đồng; vị trí, kích thước, mốc giới được xác định theo kết quả thẩm định ngày 14/8/2017, phù hợp với thực trạng đang sử dụng đất của hộ ông Đặng Văn B.

Ông Đặng Văn T được hưởng 317,2m^2, bao gồm 100m^2 đất ở và 217,2 m^2 đất vườn, có trị giá: 115.167.400 đồng; vị trí, kích thước, mốc giới được xác định theo kết quả thẩm định ngày 14/8/2017, phù hợp với thực trạng đang sử dụng đất của hộ ông Đặng Văn T.

[3]. Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00147/QSDĐ/134QĐ/UB do UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) ngày 16/7/1998, mang tên ông Đặng Văn T đối với diện tích đất là di sản thừa kế. Hội đồng xét xử nhận định: nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các con của cụ C và cụ K đều thống nhất thừa nhận thửa đất số 198, tờ bản đồ số 6, diện tích 525 m^2 tại thôn Đ, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00147/QSDĐ/134QĐ/UB ngày 16/7/1998, mang tên ông Đặng Văn T là tài sản của cụ C và cụ K tạo lập được lúc còn sống. Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố Đ là cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai cũng đã xác định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đặng Văn T là người đại diện của hộ sử dụng đất, trong hồ sơ cấp giấy chứng

nhận đang được lưu tại cơ quan này không có tài liệu nào thể hiện việc tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất của thửa đất nói trên giữa cụ C, cụ K đối với ông Đặng Văn T, cũng như không có việc phân chia di sản thừa kế sau khi cụ C mất. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 198, tờ bản đồ số 6, địa chỉ thôn Đ, xã Q mang tên ông Đặng Văn T vào ngày 16/7/1998 là không đúng quy định pháp luật về cấp giấy chứng nhận cho người sử dụng đất. Việc xác lập quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn T đối với thửa đất nêu trên không tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 690 Bộ luật dân sự 1995 về căn cứ xác lập quyền sử dụng đất của cá nhân. Hiện tại, thửa đất nói trên được xác định là di sản thừa kế được phân chia theo pháp luật. Vì vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã phân tích ở trên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp được pháp luật bảo vệ của các đồng thừa kế trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00147/QSDĐ/134QĐ/UB do UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp ngày 16/7/1998, mang tên ông Đặng Văn T.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các đương sự phải chịu án phí tương ứng đối với phần tài sản mà họ được hưởng.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 690 của Bộ luật dân sự năm 1995;

Áp dụng các điều: 609, 610, 611, 612, 613, 620, 623, 649, 650 651 Bộ luật dân sự 2015;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn B về chia thừa kế tài sản của cụ Đặng Văn C và cụ Nguyễn Thị K là 509,8 m2 đất tại thửa 198 tờ bản đồ số 06 (theo bản đồ địa chính xã Q năm 2014 thuộc số 77, tờ bản đồ số 8), địa chỉ: thôn Đ, xã Q, thành phú Đ, tỉnh Quảng Bình có tổng trị giá là: 226.223.400 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi ba ngàn, bốn trăm đồng), di sản được chia theo pháp luật.

- Công nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị D, ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị S và bà Đặng Thị T nhường phần di sản của mình được hưởng cho ông Đặng Văn B và Đặng Văn T.

- Công nhận sự tự nguyện của ông Đặng Văn B đề nghị được hưởng phần di sản đúng bằng với diện tích thực tế mà gia đình ông đang sử dụng.

+ Phân chia theo hiện vật:

* Chia cho ông Đặng Văn T được sử dụng 317,2m^2 đất (bao gồm 100m^2 đất ở và 217,2m^2 đất vườn) tại thửa 198 tờ bản đồ số 6 (theo bản đồ địa chính xã Q năm 2014 thuộc số 77, tờ bản đồ số 8), địa chỉ: thôn Đ, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình có trị giá 115.167.600 đồng. Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định:

- Cạnh phía đông: 22,2m, giáp khuôn viên hộ ông Đặng Văn B.

- Cạnh phía tây: 22,26m, giáp hộ ông Nguyễn Đức P.

- Cạnh phía nam: 14,05m, giáp đường giao thông nông thôn.

- Cạnh phía bắc: 14,5m, giáp đường giao thông nông thôn.

* Chia cho ông Đặng Văn B được sử dụng 192,6m^2 đất (bao gồm 100m^2 đất ở và 92,6m^2 đất vườn) tại thửa 198 tờ bản đồ số 6 (theo bản đồ địa chính xã Q năm 2014 thuộc số 77, tờ bản đồ số 8), địa chỉ: thôn Đ, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình có trị giá 111.056.800 đồng. Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định:

- Cạnh phía đông: 21,82m, giáp đất hộ ông Trần Xuân B.

- Cạnh phía tây: 22,2m, giáp khuôn viên hộ ông Đặng Văn T.

- Cạnh phía nam: 8,4m, giáp đường giao thông nông thôn.

- Cạnh phía bắc: 9, 1m, giáp đường giao thông nông thôn.

Ông Đặng Văn B, ông Đặng Văn T trực tiếp liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần tài sản mình được phân chia.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn B về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00147/QSDĐ/134QĐ/UB do UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) ngày 16/7/1998, mang tên ông Đặng Văn T đã cấp đối với thửa 198 tờ bản đồ số 6, địa chỉ: thôn Đ, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.758.000 đồng (Năm triệu, bảy trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Ông Đặng Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.552.000 đồng (Năm triệu, năm trăm năm mươi hai ngàn đồng), khấu trừ vào số tiền 1.500.000 đồng tạm ứng án phí ông Đặng Văn B đã nộp theo biên lai số 0000076 ngày 08/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình, ông Đặng Văn B còn phải nộp 4.052.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Ông Đặng Văn B, ông Đặng Văn T, Bà Đặng Thị D, ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị S, bà Đặng Thị T, và Ủy ban nhân dân thành phố Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Đặng Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Kim Nhung

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Lưu HS.